

Bản án số: **603/2024/HS-PT**

Ngày: 23-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lưu Ngọc Cảnh**

Các thẩm phán: Ông **Hoàng Nhật Tân**

Bà **Lê Hải Yến**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Dương Thị Thơm** -

Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thu Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 516/2024/TLPT-HS ngày 19 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo Vũ Thị Hồng B do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 42/2024/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, Hà Nội.

*** Bị cáo có kháng cáo:**

VŨ THỊ HỒNG B, sinh ngày 25/01/19XX tại H N; ĐKKHKT và nơi cư trú: Đ, thôn V, xã T, huyện T, TP Hà Nội; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Bá C (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ; có chồng Nguyễn Đức H và 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo hiện tại ngoại, có mặt.

Ngoài ra còn có bị cáo Lại Thị Hương G không có kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị:

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vũ Thị Hồng B được bổ nhiệm chức vụ Hiệu trưởng trường mầm non xã T, T, Hà Nội theo Quyết định số 79/QĐ-UBND ngày 16/01/2017, được giao nhiệm vụ quản lý, triển khai các chương trình, kế hoạch thực hiện tuyển sinh trong các năm học để thực hiện giảng dạy học sinh theo quy định. Lập danh sách giáo viên, công nhân viên tham gia giảng dạy và danh sách học sinh tham gia học tập tại trường để báo cáo UBND huyện làm căn cứ duyệt chi ngân sách, duy trì hoạt động của trường theo quy định.

Đầu năm học mới, theo quy định Hiệu trưởng nhà trường tổ chức họp toàn bộ giáo viên trong trường để thành lập hội đồng tuyển sinh, phân chia lớp và phân công giáo viên phụ trách theo từng lớp. Năm học 2017-2018, tại cuộc họp toàn trường để chuẩn bị cho năm học mới thì B có đưa ra nội dung: Các năm học trước đó số học sinh của trường tuyển sinh chỉ đạt số lượng 09 lớp, nếu theo quy định thì một số giáo viên trong trường phải chuyển đi do thừa biên chế nên trường lập không thêm một lớp cho trẻ dưới 36 tháng tuổi (gọi là lớp D3 gồm 10 học sinh không có thật) thì sẽ giữ lại toàn bộ giáo viên trong trường và được cấp thêm ngân sách. Số tiền cấp thêm để đóng học phí cho số học sinh lập thêm, còn lại dùng để chi vào các hoạt động chung của trường. Bắc xin ý kiến của các Phó Hiệu trưởng gồm Lại Thị Hương G, Bùi Thị N và Trần Thị N1 là Chủ tịch công đoàn cùng toàn bộ giáo viên trong trường, không ai có ý kiến phản đối. Sau đó, B phân chia các lớp ký hiệu: A1, A2, A3 là các lớp nhóm lớp 05 tuổi; Lớp ký hiệu: B1, B2 là nhóm lớp 04 tuổi; Lớp ký hiệu C1, C2 là nhóm lớp 03 tuổi; Lớp ký hiệu: D1, D2, D3 là nhóm lớp nhà trẻ dưới 36 tháng tuổi (bổ sung thêm lớp D3).

Vũ Thị Hồng B phân công Lại Thị Hương G là Phó hiệu trưởng phụ trách chuyên môn về công tác giảng dạy học tập, duyệt chương trình, kế hoạch giảng dạy của từng nhóm tuổi. Vào năm học, G biết lớp D3 không có học sinh tham gia học nhưng vẫn phê duyệt chương trình giảng dạy của lớp.

Bắc phân công Lương Thị A là giáo viên phụ trách lớp D3, B đưa cho Lương Thị A danh sách tên các học sinh được ghi trong sổ theo dõi đối với lớp D3. Biết số học sinh không có nhưng Lương Thị A vẫn viết thông tin vào sổ theo dõi (sổ danh bạ học sinh lớp D3).

Bắc phân công Bùi Thị N là Phó hiệu trưởng phụ trách nuôi dưỡng của trường. Căn cứ vào danh sách báo xuất ăn của các lớp học dành cho các cháu ăn bán trú tại trường thì N tổ chức tiếp nhận thực phẩm, chỉ đạo bộ phận nấu ăn thực hiện theo thực đơn của nhà trường đề ra phù hợp theo từng lứa tuổi. Đến giờ ăn thì tổ chức chia các suất ăn theo từng lớp, đưa đến các lớp để các cháu ăn bữa trưa tại trường. Tuy nhiên, do lớp D3 không có học sinh nên N không lập danh sách báo xuất ăn của lớp D3.

Tiếp theo các năm học 2018-2019, 2019-2020 và 2020-2021 vào mỗi đầu năm học B đều tổ chức họp thành lập hội đồng tuyển sinh, phân chia lớp và phân công giáo viên phụ trách theo từng lớp, nêu nội dung lập không lớp D3 (trẻ dưới 36 tháng tuổi). Nội dung B đưa ra đều được các phó hiệu trưởng và tất cả giáo viên trong trường N2. Bắc tiếp tục phân công nhiệm vụ cho các phó hiệu trưởng và giáo viên chủ nhiệm lớp D3 như năm học 2017-2018, riêng năm học 2019-2020, B phân công Trần Thị N1 - Chủ tịch công đoàn có tên chủ nhiệm dạy lớp D3 cùng Lương Thị A. Tuy nhiên Trần Thị N1 chỉ đứng tên chủ nhiệm, không tham gia vào hoạt động của lớp D3 như: chấm công, ghi tên các cháu...).

Như vậy: Trong các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 trường đều chia thành 10 lớp gồm: A1, A2, A3 là nhóm lớp 05 tuổi; B1, B2 là nhóm lớp 04 tuổi; C1, C2 là nhóm lớp 03 tuổi; D1, D2, D3 là nhóm lớp nhà trẻ.

Theo như kế hoạch của UBND huyện T hàng năm, vào khoảng tháng 7 đến hết tháng 8 trường mầm non T tổ chức tuyển sinh năm học mới. Căn cứ vào danh sách tuyển sinh nhập học Trường mầm non T gửi báo cáo Phòng Giáo dục - Đào tạo, Phòng Tài chính, Phòng Nội vụ số trẻ dự kiến nhập học để được phê duyệt cấp ngân sách.

Theo Nghị Quyết số: 13/2016/NQ-HĐND ngày 05/12/2016 của Hội đồng nhân dân thành phố H về Phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp ngân sách; tỷ lệ phần trăm phân chia nguồn thu giữa các cấp ngân sách

và định mức phân bổ chi ngân sách thành phố Hà Nội giai đoạn 2017-2020 quy định mỗi học sinh khối mầm non được duyệt cấp 1.800.000 đồng/học sinh/năm.

Căn cứ quy định tại Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố H về việc thu học phí và quy định khoản tiết kiệm chi Cải cách tiền lương hàng năm, UBND huyện T phê duyệt và cấp ngân sách cho trường mầm non T vào khoảng tháng 12 hàng năm theo như số lượng học sinh trường mầm non T lập hồ sơ báo cáo, cụ thể:

- Năm 2017, U cấp ngân sách là: 373.000.000 đồng/260 học sinh, trung bình ngân sách cấp cho 01 học sinh là: 1.434.615 đồng, lớp D3 có 10 học sinh, tương ứng số tiền 14.346.150 đồng.

- Năm 2018, U cấp ngân sách 453.000.000 đồng/ 335 học sinh trung bình ngân sách cấp cho 01 học sinh là: 1.352.238 đồng. Lớp D3 có 10 học sinh, tương ứng số tiền 13.522.380 đồng.

- Năm 2019, U cấp ngân sách là: 439.000.000 đồng/350 học sinh, trung bình ngân sách cấp cho 01 học sinh là: 1.254.285 đồng, lớp D3: 10 học sinh, tương ứng số tiền 12.542.850 đồng.

- Năm 2020, U cấp ngân sách là: 357.000.000 đồng/300 học sinh, trung bình ngân sách cấp cho 01 học sinh là: 1.190.000 đồng, lớp D3 có 10 học sinh, tương ứng số tiền 11.900.000 đồng.

Trong 4 năm học tổng số tiền UBND huyện T cấp ngân sách cho 10 học sinh lập không tại lớp D3 là: 52.311.380 đồng. Tuy nhiên, do lớp D3 là không có thật nhưng việc nộp học phí theo số lượng học sinh vẫn phải thực hiện theo quy định nên B cho thực hiện trích số tiền đó để đóng học phí nộp vào Kho bạc nhà nước Thường Tín theo quy định, khoản tiền còn lại Băc cho chi vào các mục chi thường xuyên của trường.

Quá trình điều tra xác định: tại danh sách học sinh lớp D3 trường mầm non T lập tên 10 học sinh các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020 và 2020-2021 không có trường hợp nào có con người, thông tin trùng khớp với dữ liệu mà UBND xã và Công an xã T đang quản lý.

Cơ quan điều tra đã tạm giữ: 01 cây máy tính màu đen có chữ: GIPCO đã qua sử dụng, thu giữ tại phòng làm việc của Vũ Thị Hồng B và tạm giữ: 04 Quyển “Danh bạ học sinh”, đề các năm học 2017-2018, 2018-

2019, 2019-2020, 2020-2021; 04 Quyển “Sổ theo dõi trẻ” đề các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021.

Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ ký, chữ viết tại Phòng K (PC09) - Công an T đối với số tài liệu thu giữ gồm:

- 04 (bốn) Quyển “Danh bạ học sinh”, đề các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 (Ký hiệu từ A1 đến A4).

- 04 (bốn) Quyển “Sổ theo dõi trẻ” đề các năm học 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021 (Ký hiệu từ A5 đến A8).

Tại kết luận giám định số: 6722 ngày 10/10/2023 của Phòng PC09

- C1 kết luận:

* Chữ viết, gồm:

- Chữ viết tại các trang số 40, 41 trên mẫu cần giám định ký hiệu A1 (Danh bạ học sinh năm học 2017-2018);

- Chữ viết tại các trang số 38, 39 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A2 đến A4 (Danh bạ học sinh năm học 2018-2019, 2019-2021, 2020-2021);

- Chữ viết tại mặt sau tờ số 01, mặt trước tờ số 02; Chữ viết ở cột “HỌ VÀ TÊN TRẺ” tại mặt sau các tờ từ số 03 đến 14 trên mẫu cần giám định ký hiệu A5 (Sổ theo dõi trẻ năm học 2017-2018);

- Chữ viết tại các trang số 02, 03; Chữ viết ở cột “Họ và tên trẻ” tại các trang số 08,10,12,14,16,18,20,22,24 trên mẫu cần giám định ký hiệu A6 (Sổ theo dõi trẻ năm học 2018-2019);

- Chữ viết tại các trang số 02, 03; Chữ viết ở cột “Họ và tên trẻ” tại các trang số 08,10,12,14,16,18,20,22,24,56,82 trên các mẫu cần giám định ký hiệu A7 (Sổ theo dõi trẻ năm học 2020-2021);

Không phải là chữ do ai trong số 05 người có mẫu chữ viết đứng tên Vũ Thị Hồng B, Lại Thị Hương G, Trần Thị N1, Lương Thị A, Nguyễn Thị Hồng L viết ra.

* Chữ viết ở cột “Họ và tên trẻ” tại các trang số 74, 75 trên mẫu cần giám định ký hiệu A7 (Sổ theo dõi trẻ năm học 2019-2020); Chữ viết tại các trang số 02,03; chữ viết ở cột “Họ và tên trẻ” tại các trang số 08,10,12,14,16,18,20,22,74,82 trên mẫu cần giám định ký hiệu A8 (Sổ theo

dôi trẻ năm học 2020-2021) là do người có mẫu chữ viết đứng tên Lương Thị A viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42/2024/HS-ST ngày 23 tháng 4 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thường Tín đã quyết định: Tuyên bố bị cáo Vũ Thị Hồng B phạm tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015. Xử phạt Vũ Thị Hồng B 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Ngoài ra bản án còn xử phạt bị cáo Lại Thị Hương G 16 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 32 tháng, tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 02/5/2024 bị cáo Vũ Thị Hồng B có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Vũ Thị Hồng B đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng với nội dung bản cáo trạng và bản án sơ thẩm đã quy kết. Bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, được hưởng án treo với lý do bố, mẹ chồng già yếu, bị cáo phải có trách nhiệm gánh vác việc của gia đình; bị cáo đã được Ủy ban nhân dân huyện C2 quay lại làm việc tại trường mầm non; bị cáo có nhiều đóng góp ủng hộ quỹ Covid.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội sau khi tóm tắt nội dung vụ án, đánh giá, phân tích tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo Vũ Thị Hồng B, nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, xem xét kháng cáo của bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Hồng B, sửa một phần bản án sơ thẩm, cụ thể: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt Vũ Thị Hồng B 20 tháng tù, cho hưởng án treo thời gian thử thách là 40 tháng về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành*”

công vụ”. Các quyết định khác không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Hồng B đúng về mặt chủ thể kháng cáo và trong thời hạn của luật định nên được chấp nhận để xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Vũ Thị Hồng B tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều, phiên tòa sơ thẩm, phù hợp với lời khai của bị cáo khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng, tang vật chứng đã thu giữ, kết luận giám định cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do vậy có đủ cơ sở kết luận: Trong các năm học từ 2017 - 2018, 2018 - 2019, 2019 - 2020 và 2020 - 2021 tại trường Mầm non xã T, huyện T, TP Hà Nội, Vũ Thị Hồng B (Hiệu trưởng) và Lại Thị Hương G (Phó hiệu trưởng) là những người có chức vụ, quyền hạn với mục đích giữ giáo viên ở lại trường và có thêm nguồn thu để chi cho các hoạt động chung của nhà trường nên đã thành lập không thêm 01 lớp học D3 có 10 học sinh (trẻ dưới 36 tháng tuổi). Trong 4 năm học Vũ Thị Hồng B đã lập không danh sách lớp D3 với tổng 40 lượt học sinh (không có thật); Lại Thị Hương G đã phê duyệt chương trình, kế hoạch giảng dạy hàng năm của từng nhóm tuổi trong đó có lớp D3 để hàng năm trường mầm non T nhận tiền trái pháp luật cấp từ ngân sách nhà nước cho số học sinh trên gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước tổng số tiền là 52.311.380 đồng. Hành vi nêu trên của bị cáo Vũ Thị Hồng B đã bị Toà án cấp sơ thẩm xét xử về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Vũ Thị Hồng B thì Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo trong vụ án, vai trò của bị cáo, xem xét bị cáo Vũ Thị Hồng B đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, trong quá trình

công tác các bị cáo được tặng nhiều Giấy khen, được tặng Kỷ niệm chương “Vì sự nghiệp giáo dục” được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đã nộp toàn bộ số tiền thiệt hại để khắc phục hậu quả, có bác ruột là liệt sỹ và được các giáo viên nhà trường có đơn đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã xử phạt bị cáo Vũ Thị Hồng B 20 tháng tù về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*” là phù hợp.

Tuy nhiên buộc bị cáo phải cách ly khỏi xã hội là không cần thiết, bởi lẽ bị cáo có nhân thân tốt, chưa tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu; động cơ phạm tội của bị cáo chỉ vì lợi ích chung của đơn vị không có động cơ vụ lợi cá nhân; đến nay chính quyền địa phương có văn bản tiếp nhận bị cáo quay lại công tác, phục vụ trong ngành giáo dục; quá trình công tác bị cáo đạt nhiều thành tích xuất sắc là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; bị cáo có nhiều đóng góp cho quỹ phòng chống dịch Covid tại địa phương; bị cáo hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, hiện có nghề nghiệp và nơi cư trú ổn định, rõ ràng. Do vậy có căn cứ chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Vũ Thị Hồng B, thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội mà cho bị cáo được hưởng biện pháp chấp hành án có điều kiện, được cải tạo tại địa phương, dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương cũng đủ cải tạo bị cáo trở thành người có ích cho xã hội mà cũng không gây nguy hại cho xã hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật.

[5] Bị cáo Vũ Thị Hồng B kháng cáo được cấp phúc thẩm chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật tố tụng Hình sự,

1. Sửa một phần bản án sơ thẩm:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo **Vũ Thị Hồng B 20** (Hai mươi) tháng tù, cho hưởng án treo; thời gian thử thách là **40** (Bốn mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm **23/7/2024** về tội “*Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ*”.

Giao bị cáo Vũ Thị Hồng B cho UBND xã T, huyện T, TP Hà Nội giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về án phí: Bị cáo Vũ Thị Hồng B không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Lại Thị Hương G, xử lý vật chứng, án phí không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Thường Tín;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Tín;
- Công an huyện Thường Tín;
- Chi cục T.H.A huyện Thường Tín;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lưu Ngọc Cảnh